

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2025/DS-ST
Ngày: 15-5-2025
V/v “Tranh chấp về hợp đồng
cầm cố tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Trần Phúc .

Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Hải Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 449/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần S Có Ngay.

Địa chỉ: A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (văn bản uỷ quyền ngày 01/01/2024) (có đơn vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Bích L, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/8/2024 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là anh Lê Thanh T trình bày:

Vào ngày 22/12/2020, chị Trần Thị Bích L có đến Chi nhánh T1 - TP T - Công ty cổ phần S Có Ngay để ký hợp đồng cầm cố tài sản số T2M201201014NA20X và đã nhận 40.000.000 đồng. Thời hạn cầm cố là 12 tháng, từ ngày 22/12/2020 đến ngày 22/12/2021, lãi suất cầm cố là 1,1%/tháng và phí một tháng theo dư nợ thực tế kể từ ngày nhận tiền.

Khi ký hợp đồng cầm cố tài sản, thì hai bên tiến hành lập hợp đồng và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng chính. Trong nội dung của phụ lục hợp đồng cầm cố, bên cầm cố tài sản đã đồng ý cho Chi nhánh T1 - TP T - Công ty cổ phần S Có Ngay có quyền cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng lợi tức đến khi chấm dứt hợp đồng. Thỏa thuận này thực hiện đúng quyền của bên nhận cầm cố quy định tại Khoản 3 Điều 314 bộ luật Dân sự 2015 "*Bên nhận cầm cố được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố nếu có thỏa thuận.*".

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên chị L có làm đơn xin mượn lại xe cầm cố trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày 22/12/2020 đến hết ngày 22/01/2021 sẽ trả lại xe đã mượn cho Công ty chúng tôi. Địa điểm trả xe tại Chi nhánh T1 - TP T - Công ty cổ phần S Có Ngay. Địa chỉ cụ thể là A Đường C, Khu Phố C, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh. Chị L đã có cam kết rõ trong giấy mượn xe: "*Hoàn trả lại tài sản đã mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận.*".

Để đảm bảo cho khoản cầm cố tài sản số T2M201201014NA20X ký ngày 22/12/2020, chị L đã thế chấp tài sản đảm bảo bằng một chiếc xe gắn máy có nhãn hiệu: HONDA; Số loại: SH MODE; Màu sơn: Xanh đen; Dung tích: 124,3; Biển số 70D1-657.13; số khung: 0107LZ016435 và số máy: JK01E0054850. Tài sản trên đã được Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của cục Đ với số hợp đồng là 1398166911.

Bắt đầu từ kỳ của ngày 22/4/2021 đến nay, chị L đã quá hạn thanh toán đến hơn 46 tháng, nhưng vẫn không trả lại xe cầm cố và đồng thời cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe. Dù đã nhận thư thông báo và được gọi điện nhiều lần, nhưng chị L vẫn không trả lại tài sản cầm cố cho Công ty và đồng thời cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết. Từ lúc ký hợp đồng cầm cố tài sản và nhận tiền, chị L đã thanh toán cho Công ty cổ phần S Có Ngay tổng tiền là 13.817.000 đồng. Trong đó gồm có: 7.518.860 đồng tiền gốc, 1.627.508 đồng lãi trong hạn, 426.895 đồng lãi quá hạn, 5.918.212 đồng phí và cuối cùng là 0 đồng phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn lại xe.

Công ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu chị L có nghĩa vụ trả lại toàn bộ nợ gốc, lãi và phí phát sinh đến ngày 24/8/2024 với số tiền 107.723.701 đồng, bao gồm: Tiền gốc là 32.481.140 đồng; Tiền lãi cố định 1,1% trên dư nợ thực tế là 14.648.994 đồng; Tiền lãi quá hạn 0,55% trên dư nợ thực tế là 7.324.497 đồng; Phí trên dư nợ thực tế là 53.269.070 đồng.

Tại đơn thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 11/02/2025, Công

ty cổ phần S Có Ngay yêu cầu chị L trả cho Công ty số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 11/02/2025 là 43.491.704 đồng, bao gồm: Tiền gốc là 32.481.140 đồng; Tiền lãi cố định 1,1% trên dư nợ thực tế là 2.858.340 đồng; Tiền lãi quá hạn 0,55% trên dư nợ thực tế là 8.152.224 đồng. Ngoài ra, chị L vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo hợp đồng cầm cố kể từ ngày 12/02/2025 cho đến khi trả hết nợ. Công ty rút yêu cầu khởi kiện đối với trên dư nợ thực tế là 53.269.070 đồng.

Trường hợp chị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, yêu cầu Tòa án tuyên Công ty cổ phần S Có Ngay được yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo cụ thể là 01 (một) chiếc xe gắn máy nhãn hiệu: HONDA; Số loại: SH MODE; Màu sơn: Xanh đen; Dung tích: 124,3; Biển số 70D1-657.13; số khung: 0107LZ016435 và số máy: JK01E00548500 để thu hồi khoản nợ cho Công ty.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản đã nợ thì chị L vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Công ty.

Bị đơn – chị Trần Thị Bích L: Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng **chị L** không đến, không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S Có Ngay đối với bị đơn chị Trần Thị Bích L về hợp đồng cầm cố tài sản. Buộc chị L có nghĩa vụ trả cho Công ty tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn theo yêu cầu khởi kiện của Công ty. Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về tố tụng:**

[1] Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng cầm cố tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn cư trú tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ

án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

[3] Anh Lê Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị Trần Thị Bích L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị L.

* Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay, yêu cầu chị Trần Thị Bích L có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền vay gốc còn nợ lại 32.481.140 đồng, tiền lãi cố định 1,1% trên dư nợ thực tế 2.858.340 đồng và tiền lãi quá hạn 0,55%/tháng trên dư nợ thực tế tính (từ ngày 22/4/2021 đến ngày 15/5/2025) là 8.711.982 đồng, tổng cộng 44.051.462 đồng. Ngoài ra, chị L vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo hợp đồng cầm cố kể từ ngày 16/5/2025 cho đến khi trả hết nợ thì thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cùng các chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho chị L, tuy nhiên chị L không đến Tòa án, không có yêu cầu phản tố và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty.

[2] Do đó có căn cứ xác định Hợp đồng cầm cố số T2M201201014NA20X ngày 22/12/2020 cùng các tài liệu có liên quan và lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của Công ty về việc chị L chưa thanh toán xong tiền nợ gốc, nợ lãi cho Công ty là có thật.

[3] Xét nội dung Hợp đồng cầm cố phù hợp quy định tại các Điều 311, 312, 313, 314, 468 của Bộ luật Dân sự nên hợp pháp. Công ty cổ phần S Có Ngay không còn giữ tài sản cầm cố không phải là căn cứ chấm dứt hợp đồng cầm cố theo Điều 315 của Bộ luật Dân sự, hơn nữa Công ty đang giữ bản chính của giấy chứng nhận đăng ký xe của chị L nên hợp đồng cầm cố vẫn tồn tại và có hiệu lực pháp luật.

[4] Công ty xác định từ ngày 22/4/2021 đến nay, chị L đã ngưng thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi nên chị L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo khoản 3 Điều 311 của Bộ luật Dân sự. Do đó, Công ty khởi kiện yêu cầu chị L phải thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi là có căn cứ.

[5] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy lời trình bày của phía nguyên đơn là có cơ sở, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay, buộc chị L có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền nợ gốc 32.481.140 đồng, tiền lãi cố định 2.858.340 đồng và tiền lãi quá hạn 8.711.982 đồng, tổng cộng là 44.051.462 đồng.

[6] Về xử lý tài sản cầm cố:

[6.1] Trường hợp chị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Công ty cổ phần Sawad Tiền Có Ngay được quyền xử lý hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố là 01 (một) chiếc xe gắn máy

nhãn hiệu: HONDA; Số loại: SH MODE; Màu sơn: Xanh đen; Dung tích: 124,3; Biển số 70D1-657.13; số khung: 0107LZ016435 và số máy: JK01E0054850 để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cầm cố không đủ thanh toán thì chị L phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty theo Điều 307 của Bộ luật Dân sự.

[6.2] Khi việc cầm cố chấm dứt theo khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 315 của Bộ luật Dân sự thì Công ty phải trả lại bản chính giấy xe đang giữ cho chị L theo Điều 316 của Bộ luật Dân sự.

[7] Về đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa: Xét thấy, đây là đề nghị có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị Trần Thị Bích L phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty C Tiền Có Ngay được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 10, Điều 303, 307, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 316, 468, 497, 123, 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần S Có Ngay đối với chị Trần Thị Bích L về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản.

Buộc chị Trần Thị Bích L có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần S Có Ngay số tiền nợ gốc 32.481.140 đồng, tiền lãi cố định 2.858.340 đồng và tiền lãi quá hạn 8.711.982 đồng, tổng cộng là 44.051.462 (bốn mươi bốn triệu không trăm năm mươi một nghìn bốn trăm sáu mươi hai) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng cầm cố.

2. Trường hợp chị Trần Thị Bích L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty cổ phần S Có Ngay có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản cầm cố là 01 (một) chiếc xe gắn máy nhãn hiệu: HONDA; Số loại: SH MODE; Màu sơn: Xanh đen; Dung tích: 124,3; Biển số 70D1-657.13; số khung: 0107LZ016435 và số máy: JK01E0054850 theo Hợp đồng cầm cố số T2M201201014NA20X ngày 22/12/2020 để thu hồi khoản nợ nêu trên.

Trường hợp số tiền có được từ việc xử lý tài sản cầm cố, sau khi thanh toán chi phí bảo quản, thu giữ và xử lý tài sản cầm cố, nhỏ hơn nghĩa vụ trả nợ thì chị Trần Thị Bích L phải tiếp tục thực hiện phần nghĩa vụ chưa được thanh toán.

3. Khi việc cầm cố chấm dứt theo khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 315 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Công ty cổ phần S phải trả lại cho chị L 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 051813 ngày 20/10/2020 và xoá đăng ký giao dịch bảo đảm.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Bích L phải chịu 2.203.000 (hai triệu hai trăm lẻ ba nghìn) đồng.

Công ty cổ phần S Có Ngay được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.693.093 (hai triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn không trăm chín mươi ba) đồng theo biên lai thu số 0009820 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- P.KTNV – TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Phượng

